

Số: 473/BC-ĐTTT

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 12 năm 2021*

## **BÁO CÁO**

### **KẾT QUẢ SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2020**

#### **1. GIỚI THIỆU CHUNG**

##### **1.1. Mục tiêu và đối tượng khảo sát**

- Mục tiêu là tìm hiểu đánh giá của sinh viên về các khía cạnh liên quan đến chất lượng nội dung chương trình, tính ứng dụng và tính hữu ích của kiến thức, kỹ năng trong chương trình; tìm hiểu tình trạng việc làm của sinh viên; ghi nhận những góp ý của sinh viên về chương trình đào tạo, giảng viên, cơ sở vật chất, dịch vụ hỗ trợ. Từ những đánh giá đó, một số kiến nghị được đề xuất nhằm cải thiện chất lượng chương trình.

- Khảo sát thu thập ý kiến của sinh viên tốt nghiệp chương trình Cử nhân trực tuyến: Có 9 sinh viên tham gia trả lời trên Google Form.

##### **1.2. Nội dung bảng câu hỏi**

Bảng khảo sát bao gồm 25 câu hỏi được chia thành năm phần:

- Thông tin cá nhân
- Thông tin về sinh viên tốt nghiệp đã có việc làm
- Thông tin sinh viên tốt nghiệp chưa có việc làm từ khi tốt nghiệp
- Đánh giá của sinh viên về chương trình đào tạo
- Thông tin bổ sung

Nội dung chi tiết của bảng câu hỏi như sau:

**Bảng 1: Các câu hỏi khảo sát**

| <b>PHẦN</b>   | <b>THÔNG TIN CÁ NHÂN</b>   |
|---------------|--|
| Câu 1:        | Anh/chị vui lòng cho biết họ và tên.   |
| Câu 2:        | Anh/chị đã tốt nghiệp ngành nào tại Trung tâm Đào tạo trực tuyến?<br><ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế toán, Kiểm toán, Kinh doanh quốc tế, Quản trị kinh doanh, Quản trị nhân lực, Ngôn Ngữ Anh, Tài Chính - Ngân Hàng, Luật học, Luật Kinh tế, Marketing.</li> </ul> |
| Câu 3:        | Anh/chị đã tốt nghiệp loại<br><ul style="list-style-type: none"> <li>- Giỏi, Khá, Trung bình – Khá, Trung bình.</li> </ul>   |
| Câu 4:        | Anh/chị vui lòng cho biết trình trạng việc làm hiện nay của Anh/chị<br><ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã có việc làm, Chưa có việc làm.</li> </ul>   |
| <b>PHẦN A</b> | <b>THÔNG TIN VỀ SINH VIÊN TỐT NGHIỆP ĐÃ CÓ VIỆC LÀM</b>  |
| Câu 5:        | Anh/ chị có việc làm khi nào<br><ul style="list-style-type: none"> <li>- Có việc làm trước khi tốt nghiệp, Trong vòng 1 tháng sau khi tốt nghiệp, Từ 2 đến 3 tháng sau khi tốt nghiệp, Từ 3 đến 6 tháng sau khi tốt nghiệp, Trên 6 tháng sau khi tốt nghiệp.</li> </ul>          |
| Câu 6:        | Công ty các anh/chị đang làm việc thuộc thành phần kinh tế nào?<br><ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan hành chính sự nghiệp, Doanh nghiệp nhà nước, Doanh nghiệp tư nhân, Kinh tế hộ cá thể, Doanh nghiệp nước ngoài/ Tổ chức nước ngoài</li> </ul>                 |
| Câu 7:        | Mức thu nhập của cá nhân anh/chị bình quân/tháng?<br><ul style="list-style-type: none"> <li>- Dưới 7 triệu, Từ 7 - &lt; 15 triệu, Từ 15 - &lt; 25 triệu, Từ 25 triệu trở lên.</li> </ul>   |
| Câu 8:        | Công việc hiện nay của anh/chị là do<br><ul style="list-style-type: none"> <li>- Anh/chị tự tạo việc làm (làm chủ công ty, doanh nghiệp), Anh/chị làm cho gia đình, Anh/chị được tuyển dụng.</li> </ul>  |
| Câu 9:        | Theo ý kiến cá nhân, anh/chị có việc làm là do những yếu tố nào? Anh/chị có thể chọn nhiều đáp án.   |

|               |  |
|---------------|--|
|               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức chuyên môn, Kỹ năng chuyên môn, Kỹ năng mềm Khả năng ngoại ngữ Khả năng tin học Kinh nghiệm làm việc Mối quan hệ/quen biết tốt Vốn sống Khác (đáp viên tự điền).</li> </ul>   |
| Câu 10:       | <p>Công việc của Anh/ Chị có phù hợp với ngành đã được đào tạo.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn toàn không phù hợp, Không phù hợp, Bình thường, Phù hợp, Hoàn toàn phù hợp.</li> </ul>   |
| Câu 11:       | <p>Anh/chị cho rằng kiến thức đã được đào tạo ở trường là:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn toàn không hữu ích, Không hữu ích, Bình thường, Hữu ích, Hoàn toàn hữu ích.</li> </ul>  |
| Câu 12:       | <p>Sau khi tốt nghiệp, anh/chị có bất cứ thay đổi gì về vị trí việc làm so với trước khi tốt nghiệp không?</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- KHÔNG tôi vẫn làm ở vị trí cũ, CÓ tôi được thăng tiến trong công việc.</li> </ul>  |
| Câu 13:       | <p>Mức độ ảnh hưởng của chương trình đào tạo của trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh đối với công việc hiện tại? (mỗi phát biểu chọn một trong các mức độ: Hoàn toàn không ảnh hưởng, Ít ảnh hưởng, Bình thường, Khá ảnh hưởng, Ảnh hưởng rất nhiều).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ hội thăng tiến trong công việc; Cơ hội tăng lương; Cơ hội được sử dụng kiến thức học tập; Cơ hội phát triển nghề nghiệp trong tương lai</li> </ul> |
| Câu 14:       | <p>Anh/chị sử dụng bao nhiêu % _____ đã học cho công việc hiện tại? (mỗi phát biểu chọn một trong các mức độ: Không sử dụng, Dưới 20%, Từ 20 đến dưới 40%, Từ 40% đến dưới 60%, Từ 80% trở lên).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức đại cương, Kiến thức chuyên ngành, Kiến thức về kỹ năng mềm, Kiến thức ngoại ngữ, Kiến thức tin học.</li> </ul>  |
| <b>PHẦN B</b> | <b>THÔNG TIN SINH VIÊN TỐT NGHIỆP CHƯA CÓ VIỆC LÀM TỪ KHI TỐT NGHIỆP</b>   |
| Câu 15:       | Anh/chị chưa có việc làm là do:  |

|               |   |
|---------------|---|
|               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Còn tiếp tục học, Chưa có ý định tìm việc, Đã xin việc nhưng chưa được nhận.</li> </ul>  |
| Câu 16:       | <p>Những nguyên nhân dẫn đến việc anh/chị chưa có việc làm?</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiếu kiến thức chuyên môn, Thiếu kỹ năng cần thiết, Thiếu kinh nghiệm làm việc, Thiếu thông tin tuyển dụng, Thiếu khả năng ngoại ngữ, Thiếu khả năng tin học, Thiếu mối quan hệ xã hội, Đang chờ thi tuyển, phỏng vấn, Khác (đáp viên tự điền)</li> </ul>   |
| Câu 17:       | <p>Anh/chị có dự định gì cho tương lai?</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Câu hỏi mở</li> </ul>  |
| <b>PHẦN C</b> | <b>ĐÁNH GIÁ VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO</b>   |
| Câu 18:       | <p>MỨC ĐỘ ĐỒNG Ý Vui lòng cho biết mức độ đồng ý của anh/chị đối với các yếu tố sau bằng cách dùng thang điểm từ 1 đến 5 với “1 là Hoàn toàn không đồng ý” tăng dần đến 5 là “Hoàn toàn đồng ý”.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nội dung chương trình được cập nhật đổi mới theo nhu cầu xã hội;</li> <li>- Trình tự các môn học được tổ chức hợp lý;</li> <li>- Kiểm tra, thi cử phù hợp với nội dung môn học;</li> <li>- Chương trình đào tạo giúp nâng cao phẩm chất đạo đức nghề nghiệp;</li> <li>- Chương trình đào tạo giúp nâng cao trách nhiệm đối với xã hội.</li> </ul> |
| Câu 19:       | <p>Chương trình đào tạo đã cung cấp cho tôi những kỹ năng sau _____.</p> <p>Vui lòng chọn tất cả những câu trả lời phù hợp.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ năng nghề nghiệp, Kỹ năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề, Kỹ năng làm việc độc lập, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng quản lý và lãnh đạo, Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng tự học tự nghiên cứu, Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, Kỹ năng tin học, Khác (đáp viên tự điền).</li> </ul>  |
| <b>PHẦN D</b> | <b>THÔNG TIN BỔ SUNG</b>  |
| Câu 20:       | Những kiến thức cần bổ sung cho công việc của anh/chị (Câu hỏi mở)  |
| Câu 21:       | Những kỹ năng cần bổ sung cho công việc của anh/chị (Câu hỏi mở)  |

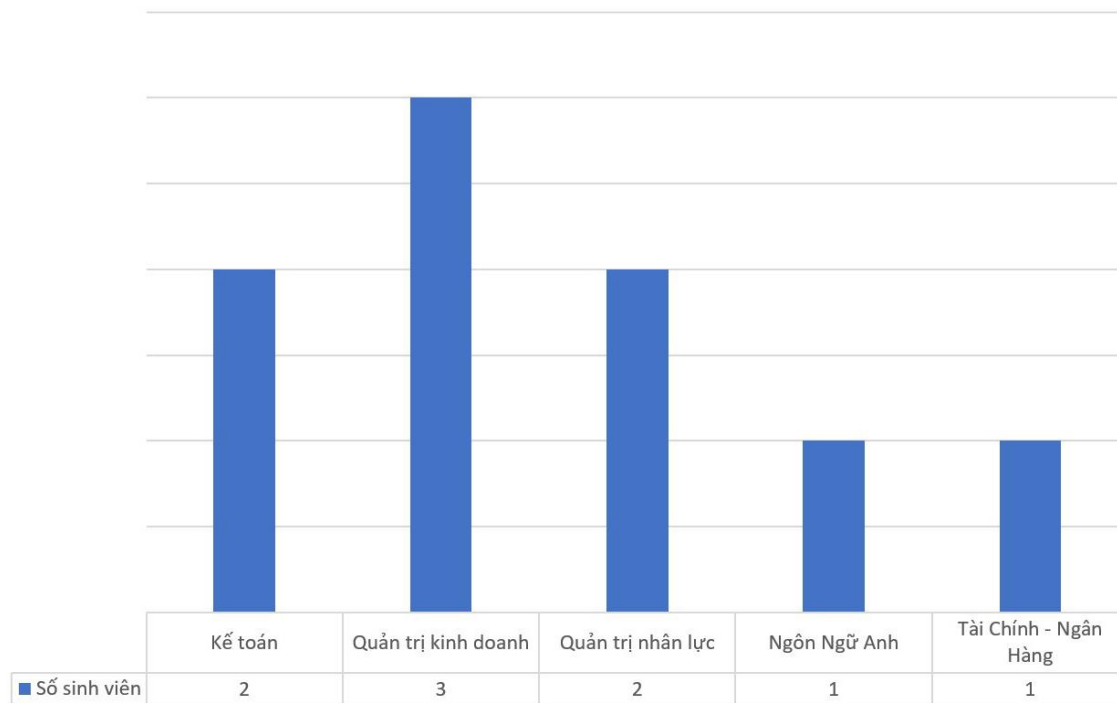
|         |   |
|---------|---|
| Câu 22: | Anh/chị vui lòng đóng góp những ý kiến khác cho việc nâng cao hiệu quả đào tạo của trường về chương trình đào tạo (Câu hỏi mở)                |
| Câu 23: | Anh/chị vui lòng đóng góp những ý kiến khác cho việc nâng cao hiệu quả đào tạo của trường về hoạt động giảng dạy của Giảng viên (Câu hỏi mở)  |
| Câu 24: | Anh/chị vui lòng đóng góp những ý kiến khác cho việc nâng cao hiệu quả đào tạo của trường về cơ sở vật chất (Câu hỏi mở)                      |
| Câu 25: | Anh/chị vui lòng đóng góp những ý kiến khác cho việc nâng cao hiệu quả đào tạo của trường về dịch vụ hỗ trợ sinh viên tại trường (Câu hỏi mở) |

## **2. KẾT QUẢ KHẢO SÁT**

### **2.1. Thông tin sinh viên**

#### **2.1.1. Ngành học**

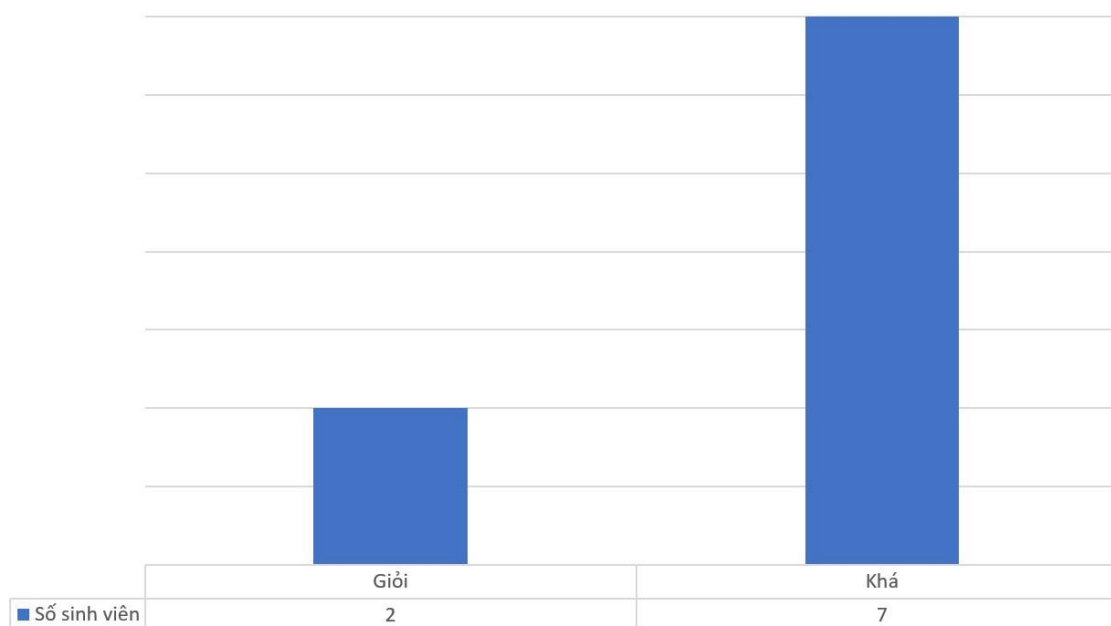
Đợt khảo sát này có 9 sinh viên đã tốt nghiệp tham gia khảo sát. Trong đó, ngành Quản trị kinh doanh có 3 sinh viên. Ngành Quản trị nhân lực, Kế toán có 2 sinh viên mỗi ngành. Ngành Ngôn ngữ Anh, Tài chính – Ngân hàng mỗi ngành 1 sinh viên.



**Hình 1: Thống kê theo ngành học**

### 2.1.2. Xếp loại tốt nghiệp

Tất cả sinh viên tham gia khảo sát đều tốt nghiệp loại Khá, Giỏi. Trong đó, sinh viên loại Khá chiếm đa số, với 7 sinh viên; sinh viên loại Giỏi là 2 sinh viên.



## *Hình 2: Thống kê theo xếp loại học lực*

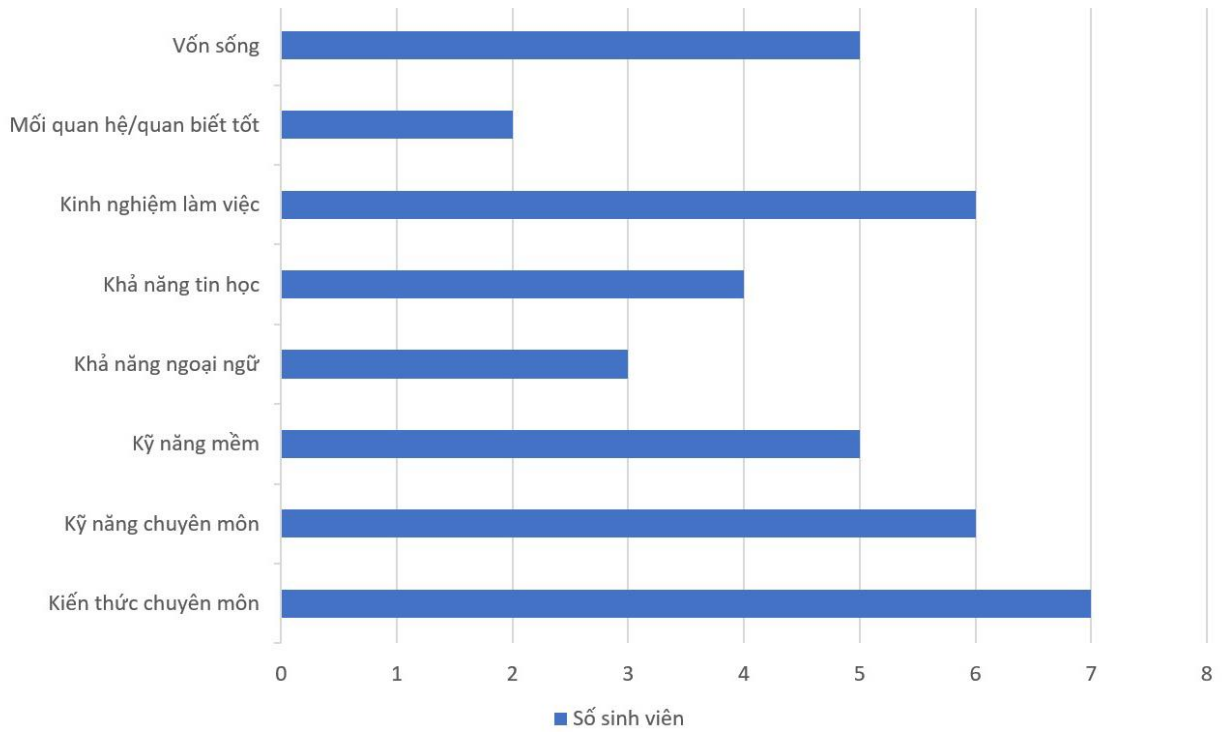
### **2.2. Thông tin về việc làm của sinh viên**

#### **2.2.1. Thông tin chung**

- Tình trạng việc làm: Hầu hết sinh viên tốt nghiệp đã có việc làm, với 8/9 sinh viên.
- Thời điểm có việc làm: Tất cả 8 sinh viên đã có việc làm cho biết rằng họ có việc làm trước khi tốt nghiệp.
- Thành phần kinh tế: Phần lớn sinh viên làm việc cho các tổ chức (7/8 sinh viên). Trong đó, chủ yếu là thành phần kinh tế tư nhân và nhà nước (6 người).
- Thu nhập hàng tháng: Có 5 sinh viên cho biết rằng họ có thu nhập 7-15 triệu mỗi tháng, và 3 sinh viên có thu nhập từ 15 triệu trở lên.
- Khả năng thăng tiến: Có 2 sinh viên cho biết rằng họ có thăng tiến về vị trí công việc, còn lại vẫn tiếp tục vị trí công tác.

#### **2.2.2. Đánh giá của sinh viên về yếu tố quyết định khả năng tìm được việc làm**

Kiến thức chuyên môn được cho là điều kiện tiên quyết để sinh viên tìm được việc làm (có 7 lần lựa chọn). Hai điều kiện quan trọng tiếp theo là kỹ năng chuyên môn và kinh nghiệm làm việc (cùng có 6 lần lựa chọn). Trong khi, điều kiện ít quan trọng nhất là mối quan hệ tốt (chỉ 2 lựa chọn).

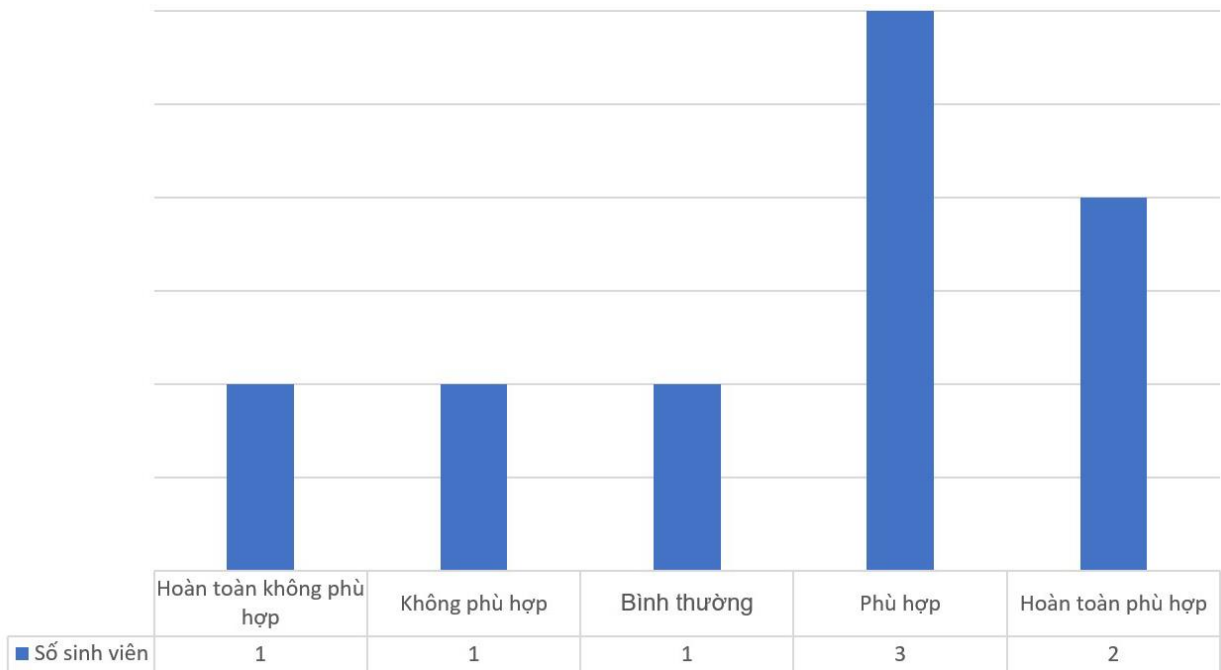


**Hình 3: Các yếu tố quyết định khả năng có việc làm**

### **2.2.3. Sinh viên nhận xét về mức độ phù hợp giữa công việc và ngành học**

Đa số sinh viên nhận xét rằng ngành học mà họ theo học phù hợp với công việc hiện tại (5/8 sinh viên). Rất ít sinh viên chọn ngành không phù hợp (chỉ 2 người).

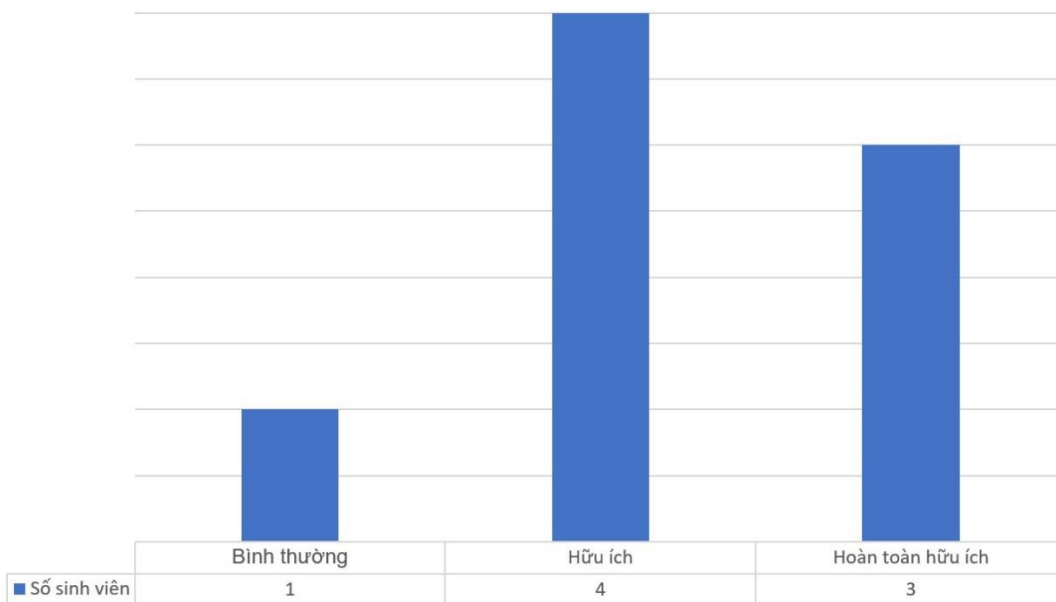




**Hình 4: Mức độ phù hợp giữa công việc và ngành học**

#### 2.2.4. Sinh viên nhận xét mức độ hữu ích của kiến thức

Hầu hết sinh viên đều nhận xét rằng ngành học mà họ theo học phù hợp/hoàn toàn phù hợp với công việc hiện tại (5/8 sinh viên).



**Hình 5: Mức độ hữu ích của kiến thức**

### 2.2.5. Mức độ ảnh hưởng của chương trình đào tạo đến các cơ hội

Theo kết quả khảo sát, phần lớn sinh viên nhận xét mức độ ảnh hưởng của chương trình đào tạo đối với cơ hội thăng tiến trong công việc ở mức trung bình khá (mức trung bình có 4 người, mức khá có 2 người). Bên cạnh đó, nhiều người cho rằng cơ hội áp dụng kiến thức trong chương trình đào tạo cũng ở mức trung bình khá (mức bình thường có 5 người, mức khá có 2 người).

Tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng của chương trình đào tạo đối với cơ hội được tăng lương và phát triển nghề nghiệp của sinh viên là cao hơn đáng kể, so với hai khía cạnh vừa nêu trên. Có 5 sinh viên cho rằng chương trình đào tạo ảnh hưởng khá cao đến cơ hội tăng lương. Có 7 sinh viên trả lời rằng chương trình đào tạo ảnh hưởng nhiều đến cơ hội phát triển sự nghiệp của họ.

**Bảng 2: Mức độ ảnh hưởng của chương trình đào tạo đến các cơ hội**

|                               | Hoàn toàn không ảnh hưởng | Ít ảnh hưởng | Bình thường | Khá ảnh hưởng | Ảnh hưởng nhiều |
|-------------------------------|---------------------------|--------------|-------------|---------------|-----------------|
| Cơ hội thăng tiến             | 0                         | 1            | <b>4</b>    | 2             | 1               |
| Cơ hội được áp dụng kiến thức | 0                         | 0            | <b>5</b>    | 2             | 1               |
| Cơ hội tăng lương             | 1                         | 0            | 2           | <b>4</b>      | 1               |
| Cơ hội phát triển nghề nghiệp | 0                         | 0            | 1           | <b>5</b>      | 2               |



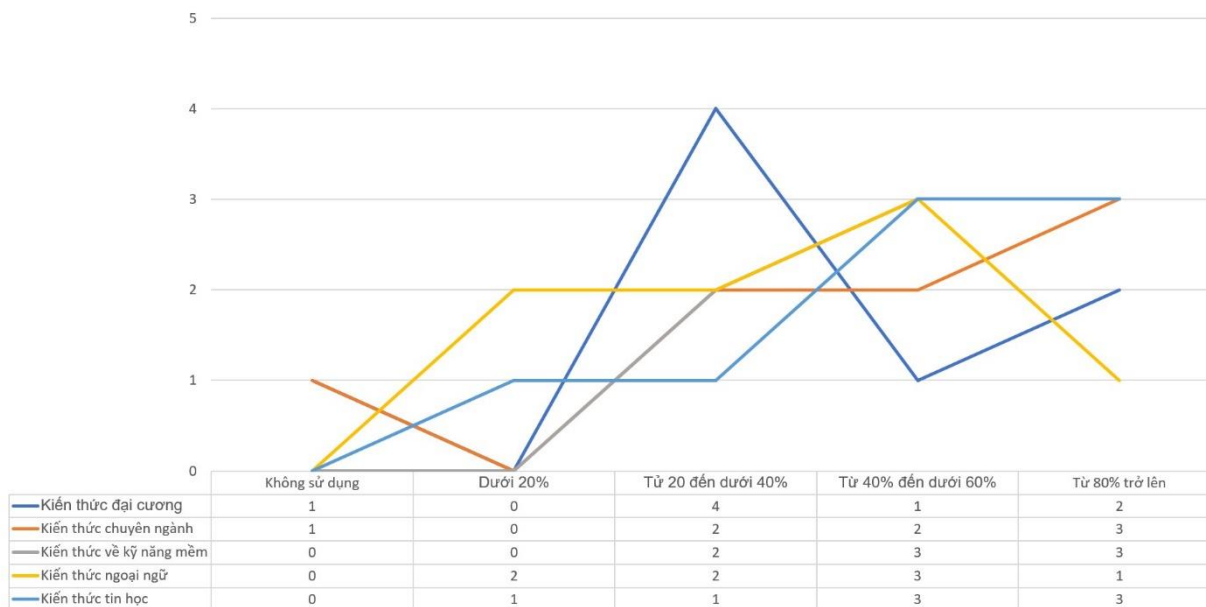
**Hình 6: Mức độ ảnh hưởng của chương trình đào tạo đến các cơ hội**

### 2.2.6. Mức độ áp dụng kiến thức trong công việc

- Kiến thức về kỹ năng mềm và kỹ năng tin học là hai nhóm kiến thức được nhiều sinh viên áp dụng nhất trong công việc. Mỗi nhóm có 3 sinh viên cho biết họ áp dụng từ 40 – 60%; có 3 sinh viên áp dụng hơn 80% kiến thức đã học.

- Nhóm kiến thức chuyên ngành được áp dụng nhiều hơn nhóm kiến thức đại cương. Kết quả cho thấy phần lớn sinh viên áp dụng kiến thức chuyên ngành trên 40%, trong khi áp dụng kiến thức đại cương từ 20-40%.

- Kiến thức ngoại ngữ được sinh viên áp dụng trong công việc thường dưới 60%.



**Hình 7: Mức độ áp dụng kiến thức trong công việc**

### 2.2.7. Thông tin sinh viên tốt nghiệp chưa có việc làm từ khi tốt nghiệp

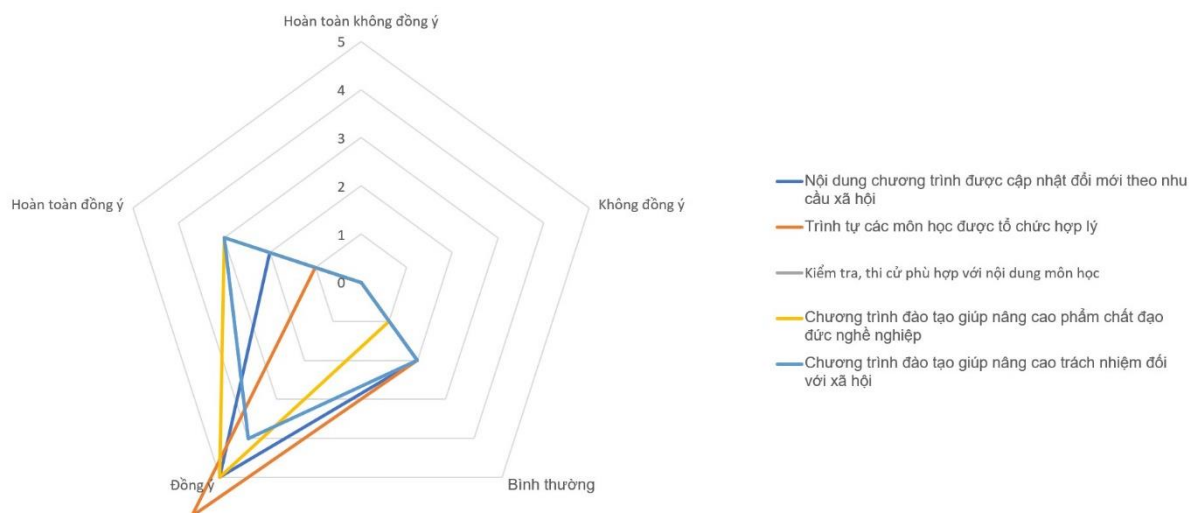
- Lý do chưa có việc: Đã xin việc nhưng chưa được nhận.
- Nguyên nhân chưa có việc: Thiếu kinh nghiệm làm việc.

### 2.4. Đánh giá của sinh viên về chương trình đào tạo

Sinh viên đánh giá rất tốt về chương trình đào tạo. Hầu hết sinh viên đều nhận xét rằng: Nội dung chương trình được cập nhật đổi mới theo nhu cầu xã hội; Trình tự các môn học được tổ chức hợp lý; Kiểm tra, thi cử phù hợp với nội dung môn học; Chương trình đào tạo giúp nâng cao phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm đối với xã hội. Bảng bên dưới thể hiện số người đồng ý với các nhận xét vừa nêu:

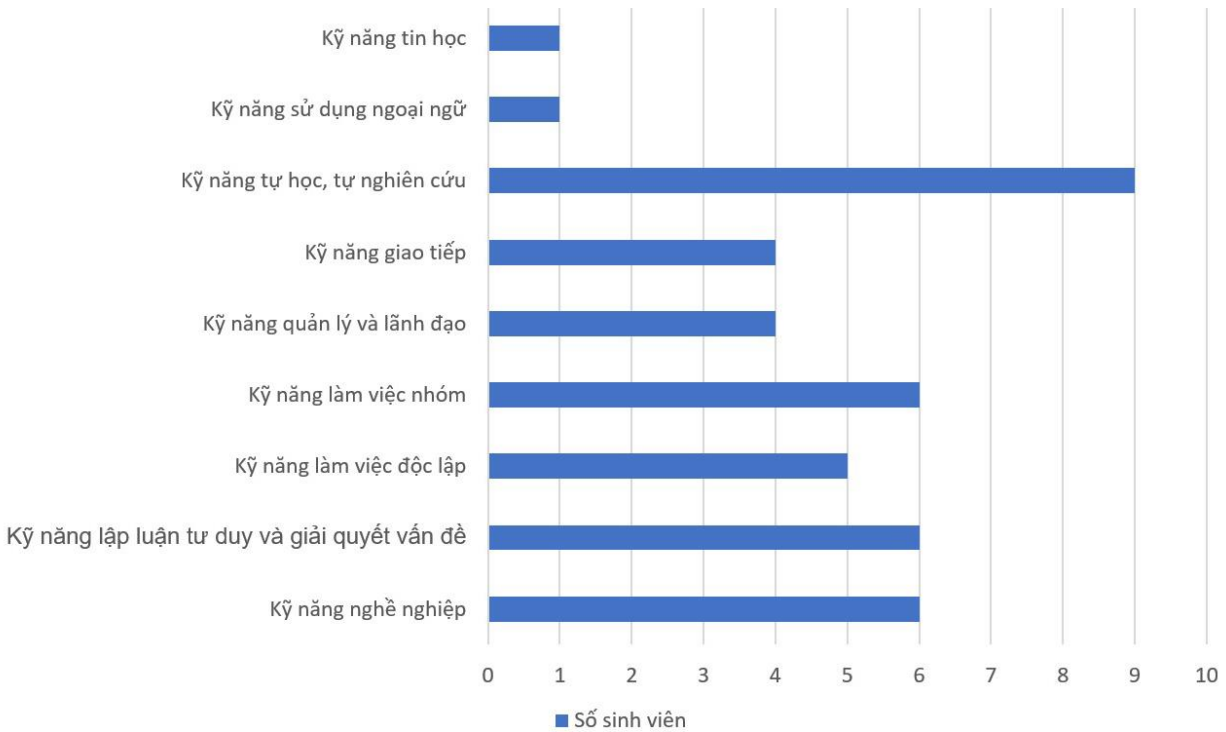
|  | Bình thường | Đồng ý | Hoàn toàn đồng ý |
|--|-------------|--------|------------------|
| Nội dung được cập nhật đổi mới theo nhu cầu xã hội | 2           | 5      | 2                |

|   |   |   |   |
|---|---|---|---|
| Trình tự các môn học được tổ chức hợp lý            | 2 | 6 | 1 |
| Kiểm tra, thi cử phù hợp với nội dung môn học       | 2 | 4 | 3 |
| Chương trình nâng cao phẩm chất đạo đức nghề nghiệp | 1 | 5 | 3 |
| Chương trình nâng cao trách nhiệm đối với xã hội    | 2 | 4 | 3 |



**Hình 8: Đánh giá của sinh viên về chương trình đào tạo**

Kỹ năng tự học – tự nghiên cứu được nhiều sinh viên lựa chọn nhất khi được hỏi về kỹ năng nào mà sinh viên có được sau khi hoàn thành chương trình (9 lựa chọn). Các kỹ năng được lựa chọn nhiều thứ hai là kỹ năng lập luận tư duy & giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng nghề nghiệp (cùng 6 lựa chọn). Trong khi, kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và tin học có số lượt lựa chọn thấp nhất (chỉ 1 lựa chọn).



**Hình 9: Kỹ năng có được sau khi hoàn thành chương trình**

### **3. CÁC Ý KIẾN ĐÓNG GÓP CỦA TÂN SINH VIÊN**

#### **3.1. Những kiến thức mà sinh viên muốn bổ sung**

- Nhân tướng học, tâm lý học.

#### **3.2. Những kỹ năng mà sinh viên muốn bổ sung**

- Phỏng vấn và thuyết trình;
- Kỹ năng giao tiếp;
- Xây dựng chiến lược nhân sự;
- Kỹ năng xử lý tình huống và giải quyết vấn đề;
- Luật lao động, bảo hiểm.

#### **3.3. Ý kiến về chương trình đào tạo**

- Chương trình cần dạy theo xu hướng phát triển của xã hội hiện nay;

- Đối với nghề kế toán nên cho học viên thực hành trên sổ sách thực tế nhiều hơn;
- Đảm bảo thời gian khoá học.

### **3.4. Ý kiến về hoạt động giảng dạy**

- Tổ chức các buổi workshop để thực hành.

### **3.5. Ý kiến về dịch vụ hỗ trợ sinh viên**

- Hỗ trợ ngay khi có yêu cầu.

## **4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

Thực tế, chưa có nhiều sinh viên tốt nghiệp trong năm 2020, nên số lượng sinh viên trả lời khảo sát còn hạn chế. Do đó, kết quả khảo sát này mang tính tham khảo, là nền tảng cho những nghiên cứu tiếp theo.

Dù rằng chưa thể kết luận một cách chắc chắn vì thiếu cỡ mẫu dữ liệu khá khiêm tốn, nhưng có thể đưa ra một số nhận định như sau:

### **Về ưu điểm**

*Thứ nhất*, thành tích học tập của sinh viên là tốt. Tất cả sinh viên tham gia khảo sát đều có học lực khá giỏi.

*Thứ hai*, hầu hết sinh viên trước khi tham gia chương trình Cử nhân trực tuyến là những người đã có việc làm. Kết quả này phản ánh đúng đối tượng học viên tiềm năng mà Trung tâm đã tập trung từ trước tới nay.

*Thứ ba*, sinh viên đánh giá rất cao chương trình đào tạo. Họ không chỉ học hỏi được nhiều kiến thức, mà còn rèn luyện nhiều kỹ năng để áp dụng trong công việc. Nổi bật nhất là kỹ năng tự học – tự nghiên cứu. Đây là tín hiệu rất tích cực mà chương trình mang lại. Vì kỹ năng tự học – tự trau dồi kiến thức chính là chìa khóa giúp sinh viên kết nối với tri thức trong thời đại công nghệ 4.0 – trên con đường học tập suốt đời của mình.

*Thứ tư*, những góp ý của sinh viên hầu hết đều rất chính đáng và hữu ích cho công tác nâng cao chất lượng chương trình đào tạo. Nhà trường có thể xem xét những kiến nghị phù hợp với định hướng và nguồn lực để bổ sung, cải tiến chương trình đào tạo.

### **VỀ HẠN CHẾ**

*Thứ nhất*, kết quả khảo sát chỉ mới thu thập ý kiến của sinh viên thuộc 5 trong tổng số 10 ngành đang triển khai đào tạo. Do đó, những nghiên cứu tiếp theo cần thu thập ý kiến của nhiều sinh viên hơn, với nhiều ngành đào tạo hơn để có đánh giá, kết luận mang tính toàn diện và tin cậy hơn. Việc khảo sát sinh viên nên được hoàn thành trước Lễ Trao bằng tốt nghiệp, khi đó nhiều sinh viên thời gian và sự tập trung để tham gia khảo sát hơn.

*Thứ hai*, một điểm mà Nhà trường có thể nghiên cứu cải thiện đó là cung cấp nhiều hơn những định hướng dành cho con đường phát triển sự nghiệp của sinh viên. Bởi vì kết quả khảo sát cho thấy chương trình đào tạo chỉ ảnh hưởng ở mức độ trung bình, khá đối với những cơ hội trong sự nghiệp của sinh viên.

*Thứ ba*, các yếu tố quan trọng bậc nhất đối với sinh viên trong công việc, đó là kiến thức, kỹ năng chuyên môn và kinh nghiệm làm việc. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cho thấy tỉ lệ áp dụng kiến thức của sinh viên là chưa thực sự cao, tỉ lệ phổ biến ở mức 40 – 60%. Vì vậy, chương trình đào tạo nên được tiếp tục cập nhật, cải cách theo hướng ứng dụng thực tiễn, để gia tăng tỉ lệ này.

*Thứ tư*, một điểm chưa thật sự hợp lý trong kết quả trả lời của sinh viên. Đó là có rất ít người trả lời rằng họ học được kỹ năng tin học và sử dụng ngoại ngữ. Thế nhưng, một bộ phận sinh viên áp dụng 80% kiến thức tin học vào công việc. Trong khảo sát tiếp theo, cần tiếp tục kiểm tra điểm này để đưa ra kết luận chính xác hơn, với mẫu dữ liệu lớn hơn./.

**BAN GIÁM ĐỐC**

(đã ký)

**Phan Thị Ngọc Thanh**

**NGƯỜI THỰC HIỆN BÁO CÁO**

(đã ký)

**Vương Minh Khoa**